

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Ngọc Điệp;
2. Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố TP, phường AT, thành phố TA, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố X, phường PH, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy K trình bày: Bà K và ông H là vợ chồng, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PH, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào năm 1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Nhưng vì bốn phận làm vợ, làm mẹ và vì hạnh phúc gia đình nên bà K đã cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân đến nay. Hiện nay, bà K nhận thấy phát sinh nhiều mâu thuẫn, rạn nứt vợ chồng đã không thể hàn gắn. Nguyên nhân do ông H không có trách nhiệm với gia đình, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện

tại vợ chồng không còn sống chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, bà K yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh H.
- Về con chung: Có 02 con chung, tên Lê Thị Thúy D, sinh ngày 17/4/1999 và tên Lê Minh H1, sinh ngày 12/02/2001. Con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập làm việc, tham gia phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa, các văn bản tố tụng khác. Nhưng bị đơn không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như ý kiến đòi với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm. Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Lê Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PH, thành phố T, tỉnh Bình Dương năm 1999. Nay bà K có đơn yêu cầu ly hôn với ông H. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Thanh H có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông Lê Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, nguyên đơn bà K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Lê Thanh H là vợ chồng, sống chung và đăng ký kết hôn ngày 01/6/1999 tại Ủy ban nhân dân phường PH, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương. Do đó, theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hiện nay, bà K nhận thấy vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Nguyên nhân do ông H không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo và triệu tập ông H đến Tòa án để làm việc nhưng ông H không đến điều đó chứng tỏ ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại, bà K và ông H không còn sống chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà K và ông H Có 02 con chung, tên Lê Thị Thúy D, sinh ngày 17/4/1999 và tên Lê Minh H1, sinh ngày 12/02/2001. Các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy K đối với bị đơn ông Lê Thanh H về việc " Ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy K được ly hôn với ông Lê Thanh H.

Về con chung: Con chung đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy K phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001236 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường PH,
TP. Thủ Dầu Một.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Châu Giang